

2019-2020 USA Fencing Rolling Point Standings  
V70ME

RANK	Current As of: NAME	YOB	12/9/2019 DIVISION	ROLLING TOTAL	V70 - DEC PLACE	2019 POINTS	V70 - APR PLACE	2019 POINTS	V70- NTLS PLACE	2019 POINTS	V70 - WORLDS PLACE	2019 POINTS
1	Goossens, Bruno	1946	Oregon	1688	1	400	2	368	5	280	2	920
2	Spahn, Jeff	1949	Huds-Berks	1250	11	210	3	340	np	0	5	700
3	Tyson, Julian F	1949	New England	800	6	278	1	400	1	400	10	0
4T	Blakley, Dwain	1948	Gulf Coast	708	3	340	5	280	2	368	np	0
4T	Ridge, John	1950	Philadelphia	708	2	368	np	0	np	0	np	0
6	Pary, Theodore	1946	Capitol	680	9.5	213	3	340	3	340	np	0
7	Flint, James	1949	Philadelphia	620	5	280	12	208	3	340	np	0
8	Messing, Arnold	1945	Metropolitan NYC	556	7	276	6	278	6	278	np	0
9	Hewitt, Frank Floyd	1945	San Diego	489	9.5	213	11	210	7	276	np	0
10	Lipp, Robert	1947	Central California	486	8	274	10	212	np	0	np	0
11	Jefferies, Jonathan	1944	Northern California	480	np	0	13	206	8	274	np	0
12	Campe, Kazimieras	1937	Capitol	476	14.33	202	8	274	np	0	np	0
13	Walker, William H	1950	Central California	466	3	340	np	0	np	0	np	0
14	Duffy, Gerald	1947	Northeast	416	17	140	7	276	np	0	32	0
15	Brykczynski, James V	1945	New Jersey	410	28	118	15	202	12	208	np	0
16	King, Richard M	1950	Central CA	404	14.33	202	np	0	np	0	np	0
17	Thoreson, Gary	1949	Colorado	352	np	0	9	214	18	138	36	0
18	Campana, Sr., Rinaldo A	1946	Virginia	350	21	132	17	140	11	210	np	0
19	Leonardini, Barry M	1943	Northern California	342	19	136	20	134	13	206	np	0
20	Katopes, Peter	1947	Metro NYC	338	20	134	26	122	14	204	np	0
21	Satterwhite, William W	1942	Gulf Coast	336	13	206	22	130	np	0	np	0
22T	Dunlop, Richard M	1941	Illinois	332	np	0	28	118	9	214	np	0
22T	Rea, John P	1945	N. Carolina	332	26	122	16	200	21	132	np	0
24	Bronzo, Thomas E	1947	North Coast	330	24	126	14	204	np	0	np	0
25	Redding, Russel M	1950	Western Washington	322	12	208	np	0	np	0	np	0
26	Douglas, Michael A	1946	Maryland	278	np	0	18	138	17	140	np	0
27	Schwary, Irv	1947	Louisiana	266	25	124	21	132	20	134	np	0
28	Weber, Dick	1943	Colorado	264	np	0	19	136	23	128	np	0
29	Henry, Mark R	1941	Capitol	254	np	0	23	128	24	126	np	0
30T	Wiede Gerd	1940	Philadelphia	250	23	128	np	0	26	122	np	0
30T	Vitoux, Michael E	1946	Illinois	250	np	0	27	120	22	130	np	0
32	Cramerus, Pieter F	1946	Gulf Coast	240	np	0	24	126	30	114	np	0
33	Shelby Robert	1946	Northern CA	212	np	0	np	0	10	212	np	0
34T	Baldwin, Robert C	1936	Illinois	202	14.33	202	np	0	np	0	np	0
34T	Cherry, Alfred	1948	New Jersey	202	np	0	np	0	15	202	np	0
36	Ridley Alan	1947	San Diego	200	np	0	np	0	16	200	np	0
37	Nichols, Costa	1940	San Bern'do	138	18	138	np	0	np	0	np	0
38	Lyons, Kenneth B	1946	New Jersey	136	np	0	np	0	19	136	np	0
39	Aher, Christopher P	1950	Connecticut	130	22	130	np	0	np	0	np	0
40	Miernik, Marcel	1933	Nevada	126	np	0	24	126	np	0	np	0
41	Hollingsworth Frank	1946	Harrisburg	124	np	0	np	0	25	124	np	0
42T	Calderon, Peter J	1943	Capitol	120	27	120	np	0	np	0	np	0
42T	Tyler, Bobby	1947	Michigan	120	np	0	np	0	27	120	np	0
44	Mcgregw, John F	1942	Northern California	118	np	0	np	0	28	118	np	0
45	Schaefer, Ray	1947	Columbus	116	np	0	np	0	29	116	np	0
46	Creekmore Harry	1947	Tennessee	112	np	0	np	0	31	112	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2019-2020 USA Fencing Rolling Point Standings  
V70ME

Current As of: 12/9/2019	V60 - APR PLACE	2019 POINTS	V60- NTLS PLACE	2019 POINTS	V60 - WORLDS PLACE	2019 POINTS
Goossens, Bruno	np	0	np	0	np	0
Spahn, Jeff	np	0	np	0	np	0
Tyson, Julian F	np	0	np	0	np	0
Blakley, Dwain	np	0	np	0	np	0
Ridge, John	3	340	np	0	np	0
Pary, Theodore	np	0	np	0	np	0
Flint, James	np	0	np	0	np	0
Messing, Arnold	np	0	np	0	np	0
Hewitt, Frank Floyd	np	0	np	0	np	0
Lipp, Robert	np	0	np	0	np	0
Jefferies, Jonathan	np	0	np	0	np	0
Campe, Kazimieras	np	0	np	0	np	0
Walker, William H	24	126	np	0	np	0
Duffy, Gerald	np	0	np	0	np	0
Brykczynski, James V	np	0	np	0	np	0
King, Richard M	15	202	np	0	np	0
Thoreson, Gary	np	0	np	0	np	0
Campana, Sr., Rinaldo A	np	0	np	0	np	0
Leonardini, Barry M	np	0	np	0	np	0
Katopes, Peter	np	0	np	0	np	0
Satterwhite, William W	np	0	np	0	np	0
Dunlop, Richard M	np	0	np	0	np	0
Rea, John P	np	0	np	0	np	0
Bronzo, Thomas E	np	0	np	0	np	0
Redding, Russel M	30	114	45	58	np	0
Douglas, Michael A	np	0	np	0	np	0
Schwary, Irv	np	0	np	0	np	0
Weber, Dick	np	0	np	0	np	0
Henry, Mark R	np	0	np	0	np	0
Wiede Gerd	np	0	np	0	np	0
Vitoux, Michael E	np	0	np	0	np	0
Cramerus, Pieter F	np	0	np	0	np	0
Shelby Robert	np	0	np	0	np	0
Baldwin, Robert C	np	0	np	0	np	0
Cherry, Alfred	np	0	np	0	np	0
Ridley Alan	np	0	np	0	np	0
Nichols, Costa	np	0	np	0	np	0
Lyons, Kenneth B	np	0	np	0	np	0
Aher, Christopher P	np	0	np	0	np	0
Miernik, Marcel	np	0	np	0	np	0
Hollingsworth Frank	np	0	np	0	np	0
Calderon, Peter J	np	0	np	0	np	0
Tyler, Bobby	np	0	np	0	np	0
McGrew, John F	np	0	np	0	np	0
Schaefer, Ray	np	0	np	0	np	0
Creekmore Harry	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)